TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 02/02/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Quyết Thắng và ông Lý A Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2022/TLST-HN&GĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cà Thị N; sinh năm: 1997; nơi ĐKHKTT: Bản T, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; chỗ ở hiện nay: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Lường Văn S; sinh năm: 1993; nơi ĐKHKTT: Bản T, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; hiện đang chấp hành án tại: Đội 19k3 Trại giam Y, Bộ Công an; địa chỉ: Xã H, huyện P, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2022, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Cà Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Cà Thị N và anh Lường Văn S có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 09 tháng 10 năm 2015, đăng ký kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi đăng ký kết hôn sống chung cùng với gia đình anh S tại bản T, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S sử dụng ma túy, nhiều lần khuyên can nhưng anh S không thay đổi mà ngày càng nghiện ma túy nặng, đến năm 2022 thì bị bắt và hiện đang chấp hành tại Trại giam Y. Trước khi anh S bị bắt chị N và anh S đã sống ly thân từ năm 2019. Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Bản C, xã QNưa, huyện T, tỉnh Điện Biên sinh sống. Thời gian không sống chung đã không còn quan tâm, hỏi han, chia sẻ hay liên lạc với nhau. Thời gian dài sống ly thân nên tình cảm vợ chồng

không còn, không thể kéo dài mối quan hệ vợ chồng với anh S, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho N được ly hôn với anh Lường Văn S.

- Về con chung: Chị Cà Thị N và anh Lường Văn S có 01 con chung là Lường Thị Thảo N, sinh ngày 25/11/2015. Hiện tại cháu Thảo N đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Thảo N cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

- Về án phí: Chị Cà Thị N là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên có đơn đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2023 của anh Lường Văn S trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh Lường Văn S thừa nhận, anh S và chị N có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật như chị N trình bày. Giữa vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S đã sử dụng ma túy, năm 2019 anh S và chị N đã sống ly thân và năm 2022 bị bắt hiện đang chấp hành án tại Trại giam Y. Chị N xin ly hôn, anh S cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Lường Văn S xác nhận có 01 con chung là Lường Thị Thảo N, sinh ngày 25/11/2015 với chị N. Hiện tại cháu Thảo N đang được chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn đồng ý giao cháu Thảo N cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

Anh Lường Văn S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đề ngày 10/01/2023.

Tại đơn nguyện vọng ngày 14/11/2022 của cháu Lường Thị Thảo Ng trình bày: Cháu Lường Thị Thảo N có nguyện vọng được ở cùng chị Cà Thị N, khi bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 30/11/2022 của Tòa án: Chính quyền địa phương xác nhận chị Cà Thị N và anh Lường Văn S đã có mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S sử dụng ma túy, năm 2022 vi phạm pháp luật và hiện tại đang chấp hành án. Chị N và anh S có 01 người con chung, hiện do chị N nuôi dưỡng, do anh S đang chấp hành án nên không đủ điều kiện nuôi con nên giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cà Thị N, cho chị Cà Thị N ly hôn với anh Lường Văn S; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lường Thị Thảo N, sinh ngày 25/11/2015 cho chị Cà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị N và anh S không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên không đề nghị xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm của chị Nghiệp đề nghị Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nghiệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Cà Thị N với anh Lường Văn S thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị N nộp đơn khởi kiện, anh S có nơi ĐKHKTT tại bản T, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định Điều 174; 175; Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 13/01/2023, anh S vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 02/02/2023, các đương sự có đơn đề nghị vắng mặt. Do đó HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N và anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị N và anh Lường Văn S có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 09 tháng 10 năm 2015, đăng ký kết hôn tự nguyện không ai ép buộc, thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị N và anh S là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Chị Cà Thị N và anh Lường Văn S đều thừa nhận, mối quan hệ hôn nhân đã bị rạn nứt do anh S sử dụng ma túy vi phạm pháp luật, chị N và anh S đã sống ly thân từ năm 2019. Đến nay chị N và anh S đều thừa nhận không còn tình cảm yêu thương vợ chồng, nên cả hai đều đồng ý ly hôn. Tại biên bản xác minh ngày 30/11/2022, chính quyền địa phương đã xác nhận chị N và anh S đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S sử dụng ma túy, vi phạm pháp luật và năm 2022 bị bắt hiện đang chấp hành án. Từ những căn cứ nêu trên thấy rằng, cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh S đã có rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; vì vậy yêu cầu ly hôn của chị Cà Thị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cà Thị N, cho chị Cà Thị N ly hôn với anh Lường Văn S.

[3] Về con chung: Chị Cà Thị N và anh Lường Văn S đều xác nhận có 01 người con là Lường Thị Thảo N, sinh ngày 25/11/2015. HĐXX thấy rằng, hiện tại anh Sđang chấp hành án nên không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị N có chỗ ở và thu nhập ổn định nên đảm bảo điều kiện nuôi con. Do đó căn cứ yêu cầu nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị N, nguyện vọng của cháu Thảo N, ý kiến của chính

quyền địa phương thì thấy cần giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung của chị N và anh S có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung của chị Cà Thị N. Đương sự không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con; HĐXX thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

[5] Về án phí: Theo quy định của pháp luật, chị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên chị N là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và chị N có đơn đề nghị miễn án phí. Vì vậy HĐXX căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 174, Điều 175, Điều 181, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị N được ly hôn với anh Lường Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Cà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Lường Thị Thảo N, sinh ngày 25/11/2015 cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Cà Thị N có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lường Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

Chị Cà Thị N và anh Lường Văn S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

4. Về án phí: Chị Cà Thị N được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị N và anh Lường Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**